|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG THÁP  **LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Đồng Tháp, ngày 24 tháng 8 năm 2022* |

**Chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế tập thể, HTX**

**PHẦN 1**

**Chủ trương, chính sách mới của Trung ương**

**I. CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN HTX**

**1. Ngày 9/3/2020, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 70-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KTTT)**.

**a) Đánh giá về tình hình phát triển trong thời gian qua**:

- Những năm gần đây KTTT, hợp tác xã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng đã xuất hiện nhiều mô hình hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực KTTT, hợp tác xã trong nền kinh tế quốc dân.

- Tuy nhiên, khu vực kinh tế HTX vẫn còn những hạn chế, bất cập. Phần lớn HTX có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng HTX tăng nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm. Sự liên kết giữa các HTX với nhau và với các thành phần kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX còn bất cập.

**b) Nhiệm vụ, giải phát trong thời gian tới**

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như: (1) *Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về HTX; (2)* *Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển HTX; (3) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về HTX; (4)- Tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, tiếp tục thành lập thêm các HTX; (5) Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam; (6) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết.*

**2. Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-–KL/TW của Bộ Chính trị.** Theo đó Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa và triển khai các nhiệm vụ:

*(1)- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về bản chất của KTTT, HTX nhất là về HTX kiểu mới. Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.*

- Các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới cho cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cơ quan và người dân; xác định rõ phát triển KTTT, HTX là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng thường xuyên của các bộ ngành, địa phương.

- Đưa nội dung phát triển KTTT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển KTTT, HTX.

- Mở các chuyên mục trên báo, đài nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã; kịp thời phổ biến các điển hình tiên tiến.

- Đưa nội dung phát triển KTTT, HTX vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục chính quy, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trường bồi dưỡng lý luận chính trị các cấp.

*(2)- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển KTTT, HTX và pháp luật có liên quan.*

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. Xây dựng Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 – 2025. Chủ động cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với KTTT, HTX.

*(3)- Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KTTT, HTX*.

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng ngành Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước chung về KTTT, HTX.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX theo hướng tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật của HTX. Chính quyền các cấp cần phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX, không can thiệp vào công việc nội bộ của HTX đặc biệt là phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX.

*(4)- Tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, tiếp tục thành lập, phát triển thêm các HTX, coi trọng mở rộng thêm thành viên, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của các HTX; nâng cao vai trò chủ thể của các thành viên.*

- Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong HTX; vận động thành viên HTX góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động HTX thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Tập trung ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong việc hỗ trợ các tổ chức KTTT, HTX.

- Giải thể các HTX không hoạt động, không để các HTX tồn tại hình thức và các HTX hoạt động không đúng bản chất; xử lý nợ tồn đọng để lành mạnh hóa khu vực KTTT, HTX.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực có trình độ về làm việc tại các hợp tác xã. Có chế độ ưu đãi và quy định cụ thể để giữ lại cán bộ quản lý HTX giỏi, có năng lực quản lý và tâm huyết đối với HTX.

- Xây dựng và tổng kết mô hình HTX hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, mô hình HTX quy mô cấp tỉnh, cấp vùng, miền, cấp quốc gia theo ngành hàng.

*(5)- Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam*.

- Củng cố tổ chức hệ thống Liên minh HTX Việt Nam, bảo đảm thống nhất về tổ chức và hoạt động; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm với vai trò nòng cốt trong phát triển KTTT, HTX, là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên.

- Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động để tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, dịch vụ công và một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, bộ, ngành, địa phương giao, ủy thác *(kiểm toán, đào tạo, tín dụng, xúc tiến thương mại, công nghệ...)*.

- Tuyên truyền, vận động dân cư khu đô thị, khu chung cư tham gia thành lập HTX của dân cư đô thị.

*(6)- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng trong việc thực hiện Kết luận, góp phần thúc đẩy phát triển KTTT, HTX*.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển KTTT, HTX; tham gia tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX.

- Củng cố và phát triển tổ chức đoàn thể trong các HTX, tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thành lập HTX.

**3. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới**

**3.1. Quan điểm chỉ đạo**

**-** Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xuất phát từ nhu cầu thiết thực, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động của kinh tế tập thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền và cả nước.

- Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã…) trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp hợp tác xã, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là trọng tâm, bao gồm lợi ích của thành viên, tập thể và Nhà nước, đồng thời coi trọng lợi ích chính trị, văn hoá, xã hội trên địa bàn.

- Kinh tế tập thể phát triển dựa trên sở hữu riêng của thành viên và sở hữu chung của tập thể; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân, không phụ thuộc vào vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo hiệu quả lao động và theo vốn góp. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, thành viên chính thức và thành viên liên kết, cùng góp vốn, góp tài sản, góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Khuyến khích việc tích luỹ và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản chung trong tổ chức kinh tế tập thể.

- Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng chất lượng, bảo đảm sự hài hoà trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn; có chính sách ưu tiên cho các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, hiệu quả của tổ chức và của thành viên.

**-** Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phát triển kinh tế tập thể.

**3.2. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân với nhiều mô hình hợp tác, liên kết trên cơ sở tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia; góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**3.3. Mục tiêu cụ thể**

***Đến năm 2030:***

- Cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

- Bảo đảm trên 60% tổ chức kinh tế tập thể đạt loại tốt, khá, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị nông sản hàng hoá gắn với liên kết sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi cung ứng đưa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

***Đến năm 2045:***

Phấn đấu thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế tập thể. Mở rộng quy mô hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, chất lượng hoạt động ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế tập thể hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết. Phấn đấu có ít nhất 3 tổ chức kinh tế tập thể nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận. Các tổ chức kinh tế tập thể đều áp dụng công nghệ, nhất là chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

**3.4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

- Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với phát triển kinh tế tập thể.

**II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HTX**

**1. Quyết định số 1804/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ**

Ngày 13/11/2020, Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 1804/QĐ-TTg phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Các nội dung cơ bản liên quan đến HTX như sau:

**1.1. Thành lập mới, củng cố tổ chức HTX**

**a) Đối tượng hỗ trợ:** Người dân có nhu cầu thành lập HTX; HTX hoạt động kém hiệu quả, hoặc có nhu cầu mở rộng; HTX được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

**b) Nội dung hỗ trợ:** Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về HTX. Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn củng cố lại tổ chức, hoạt động của HTX cho phù hợp với các quy định.

**c) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:** Ngân sách địa phương bảo đảm 100%

**1.2. Nâng cao năng lực, nhận thức**

**a) Đối tượng hỗ trợ:** Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX.

**b) Điều kiện hỗ trợ:** Được HTX cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

**c) Nội dung, nguồn kinh phí và mức hỗ trợ**

**- Đào tạo:** Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương bảo đảm 100% học phí, tài liệu học tập; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

**- Bồi dưỡng:** Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng *(trừ vé máy bay),* kinh phí mua tài liệu học tập, các khoản chi phí tổ chức lớp học do ngân sách Trung ương bảo đảm 100%; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước, do ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn; đối với các vùng khác: Hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể. Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

**1.3. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

**a) Đối tượng hỗ trợ:** Các tổ chức kinh tế tập thể, HTX hoạt động trên tất cả các ngành và các lĩnh vực.

**b) Điều kiện hỗ trợ:** Tổ chức kinh tế tập thể, HTX có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP.

**c) Nội dung hỗ trợ:** Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc. Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.

**d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:** Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước. Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài.

**1.4. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm**

**a) Đối tượng hỗ trợ:** Các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp.

**b) Cơ chế đầu tư**

- Điều kiện hỗ trợ:

+ HTX căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm gởi chính quyền địa phương.

+ Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, ưu tiên các HTX có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; HTX hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt. Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản.

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, HTX và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%.

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho HTX; trường hợp HTX có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho HTX tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

- Cơ chế quản lý sau đầu tư: Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX. HTX tự trang trải chi phí vận hành, bảo dưỡng; khi HTX giải thể thì chuyển giao cho chính quyền địa phương.

**1.5. Các hỗ trợ khác thực hiện theo quy định hiện hành.**

Chính phủ giao các bộ, ngành hướng dẫn, cân đối, bố trí kinh phí thực hiện.

**2. Thông tư số 124/2021/TT-BTC**

**2.1. Đối tượng**

HTX, Liên hiệp HTX và các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ đáp ứng các tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ.

**2.2.** **Hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã**

**2.2.1. Tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX**

- Chi tổ chức các lớp tập huấn tập trung: Thực hiện theo chế độ chi hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Chi thù lao và các khoản chi khác cho giảng viên, báo cáo viên thực hiện theo mức chi thù lao theo quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi thông tin phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, HTX: Chi biên soạn đề cương, giới thiệu Luật, Pháp lệnh, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo về kinh tế tập thể, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chi tạo lập thông tin điện tử phục vụ công tác phổ biến pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2.2.2. Chi hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.**

- Đối với công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tư vấn: Được thanh toán chế độ công tác phí theo chế độ hiện hành.

- Đối với hướng dẫn viên, cộng tác viên không phải là công chức, viên chức: Chi thù lao: 60.000 đồng/1 giờ hướng dẫn trực tiếp; Chi phí đi lại: Tối đa 50.000 đồng/1 ngày trong trường hợp đi, về trong ngày. Trường hợp đi tư vấn ở xa, phải nghỉ lại thì được thanh toán chế độ công tác phí như đối với công chức đi công tác theo quy định.

**2.3.** **Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể**

**2.3.1.** **Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp**

Cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn, ngắn hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể: Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2.3.2.** **Đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể**

- Nội dung hỗ trợ đào tạo: Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo.

- Nội dung hỗ trợ bồi dưỡng: Các thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể tham dự lớp bồi dưỡng được hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc; hỗ trợ chi phí đi lại từ trụ sở đến nơi học tập (trừ vé máy bay), tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chi phí tổ chức, quản lý lớp học: Thực hiện theo quy định về chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2.3.3.** **Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể**

Mức hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng.

**2.4. Hỗ trợ vận hành hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể**

- Chi vận hành và duy trì trang tin điện tử về kinh tế tập thể: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi quản lý cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán: Thực hiện theo quy định về các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ.

**3. Quyết định số 284/QĐ-LMHTXVN ngày 26/5/2020 của Liên minh HTX Việt Nam ban hành Quy chế Hỗ trợ HTX Xây dựng mô hình HTX sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi giá trị**

**2.1. Tiêu chí đối với HTX tham gia dự án hỗ trợ**

- HTX có khả năng phát triển tốt tổ chức sản xuất tốt, có trình độ quản lý; có chế độ hạch toán kế toán theo quy định.

- Hoạt động của HTX có tính lan tỏa trong thành viên và cộng đồng xã hội; thu hút được nhiều thành viên tham gia HTX; được sự đồng tình, ủng hộ cuua3 thành viên và chính quyền cơ sở nơi đặt trụ sở HTX;

**2.2. Tiêu chí đối với HTX tham gia dự án xây dựng mô hình**

- Có nguyện vọng, quyết tâm tham gia xây dựng mô hình; đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về kinh phí hỗ trợ từ các nguồn ngân sách nhà nước.

- Tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của địa phương hoặc có khả năng trở thành sản phẩm chủ lực hàng hóa liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tham gia chuỗi giá trị sản phẩm…

- HTX có đủ điều kiện và khả năng huy động các nguồn lực từ xã hội, tổ chức tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển HTX; có vốn đối ứng để phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xây dựng mô hình.

- Có khả năng tốt về: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương án sản xuất kinh doanh; đội ngũ cán bộ chủ chốt có trình độ quản lý phù hợp; hạch toán, kế toán đúng quy định; có năng lực tiếp nhận, ứng dụng công nghệ, xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất, cơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm của thành viên…..

**III. CHÍNH SÁCH THUẾ**

- Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

- Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí môn bài.

- Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

**1. Người nộp lệ phí môn bài**

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã.

- Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

- Tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**2. Miễn lệ phí môn bài**

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.

- Cá nhân nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh không thường xuyên; không có địa điểm cố định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**-** Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất muối.

- Tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Điểm bưu điện văn hoá xã; cơ quan báo chí *(báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử)*.

**-** Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã *(bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)* hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.

- Quỹ tín dụng nhân dân; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi. Địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh *(từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12)* đối với:

+ Tổ chức thành lập mới *(được cấp mã số thuế mới, mã số doanh nghiệp mới).*

+ Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Trong thời gian miễn lệ phí môn bài, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời gian tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân được miễn lệ phí môn bài.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh *(theo quy định tại**Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa)* được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

+ Trong thời gian miễn lệ phí môn bài, doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời gian doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn lệ phí môn bài.

+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa *(thuộc diện miễn lệ phí môn bài theo quy định tại**Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa)* được thành lập trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thời gian miễn lệ phí môn bài của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết thời gian doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn lệ phí môn bài.

+ Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện miễn lệ phí môn bài theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ sở giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập.

**3. Mức thu lệ phí môn bài**

**3.1. Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ như sau:**

- Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm;

- Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm;

- Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm. Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức quy định tại điểm a và điểm b khoản này căn cứ vào vốn điều lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp không có vốn điều lệ thì căn cứ vào vốn đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**3.2. Mức thu lệ phí môn bài đối với cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ như sau:**

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 đồng/năm;

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 đồng/năm;

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 đồng/năm.

- Doanh thu để làm căn cứ xác định mức thu lệ phí môn bài đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**3.3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)**

- Khi hết thời gian được miễn lệ phí môn bài (năm thứ tư kể từ năm thành lập doanh nghiệp): trường hợp kết thúc trong thời gian 6 tháng đầu năm nộp mức lệ phí môn bài cả năm, trường hợp kết thúc trong thời gian 6 tháng cuối năm nộp 50% mức lệ phí môn bài cả năm.

- Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất, kinh doanh đã giải thể có hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại trong thời gian 6 tháng đầu năm nộp mức lệ phí môn bài cả năm, trong thời gian 6 tháng cuối năm nộp 50% mức lệ phí môn bài cả năm.

**3.4. Nếu tổ chức có thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư của năm trước liền kề năm tính lệ phí môn bài.**

Trường hợp vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bằng ngoại tệ thì quy đổi ra tiền đồng Việt Nam để làm căn cứ xác định mức lệ phí môn bài theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp lệ phí môn bài mở tài khoản tại thời điểm người nộp lệ phí môn bài nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

**3.5. Người nộp lệ phí đang hoạt động có văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm dương lịch không phải nộp lệ phí môn bài năm tạm ngừng kinh doanh với điêu kiện:**

Văn bản xin tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh gửi cơ quan thuế trước thời hạn phải nộp lệ phí theo quy định *(ngày 30 tháng 01 hàng năm)* và chưa nộp lệ phí môn bài của năm xin tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh không đảm bảo điều kiện nêu trên thì nộp mức lệ phí môn bài cả năm.

**4.** **Khai, nộp lệ phí môn bài**

- Khai lệ phí môn bài một lần khi người nộp lệ phí mới ra hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc mới thành lập.

+ Người nộp lệ phí mới ra hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc mới thành lập; doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh thực hiện khai lệ phí môn bài và nộp Tờ khai cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày 30 tháng 01 năm sau năm mới ra hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc mới thành lập.;

+ Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán không phải khai lệ phí môn bài. Cơ quan thuế căn cứ tờ khai thuế, cơ sở dữ liệu ngành thuế để xác định doanh thu kinh doanh làm căn cứ tính mức lệ phí môn bài phải nộp của hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán.

- Hồ sơ khai lệ phí môn bài là Tờ khai lệ phí môn bài theo mẫu.

- Người nộp lệ phí môn bài nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

+ Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc *(chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)* kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì người nộp lệ phí thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí.

+ Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc *(chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)* kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

- Thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hàng năm.

+ Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh *(bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)* kết thúc thời gian được miễn lệ phí môn bài (năm thứ tư kể từ năm thành lập doanh nghiệp) nộp lệ phí môn bài như sau: Trường hợp kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong thời gian 6 tháng đầu năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm kết thúc thời gian miễn; Trường hợp kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong thời gian 6 tháng cuối năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm liền kề năm kết thúc thời gian miễn.

+ Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất, kinh doanh đã giải thể, ra hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại nộp lệ phí môn bài như sau: Trường hợp ra hoạt động trong 6 tháng đầu năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm ra hoạt động; Trường hợp ra hoạt động trong thời gian 6 tháng cuối năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm liền kề năm ra hoạt động.

**IV. CHÍNH SÁCH MÔ HÌNH**

Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025

**1. Đối tượng và điều kiện tham gia**

**1.1. Đối tượng và thời gian thực hiện**

**a) Đối tượng:** là các HTX đang hoạt động hiệu quả trên phạm vi cả nước, có nhu cầu tham gia Đề án, được các địa phương, lựa chọn, đáp ứng các điều kiện tham gia;

**b) Số lượng tham gia:** khoảng 300 HTX trên cả nước, trong đó mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lựa chọn tối đa 05 hợp tác xã tham gia Đề án;

**c) Thời gian thực hiện Đề án: gồm 03 giai đoạn**

- Giai đoạn 1: Lựa chọn mô hình HTX thí điểm (trong năm 2021).

- Giai đoạn 2: Hoàn thiện mô hình thí điểm, nhân rộng một số mô hình HTX kiểu mới đã hoàn thiện (đến ngày 30 tháng 6 năm 2025).

- Giai đoạn 3: Tổng kết, đề xuất phương án nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới hiệu quả (6 tháng cuối năm 2025).

**2. Điều kiện tham gia**

**a) Điều kiện bắt buộc**

- HTX hoạt động theo quy định Luật Hợp tác xã năm 2012.

- HTX đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển theo các mô hình được Đề án lựa chọn.

- HTX kinh doanh hiệu quả, có lãi liên tục trong 03 năm tài chính gần nhất.

- Hợp tác xã nộp đầy đủ Hồ sơ đăng ký tham gia Đề án, trong đó có Bản đánh giá HTX năm 2020 đạt loại Khá (65 điểm) trở lên theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT .

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có thể ban hành thêm các điều kiện khác, tùy theo nguồn lực và tình hình thực tế các HTX thí điểm trên địa bàn.

**b) Điều kiện ưu tiên**

- Các HTX có nhiều thành viên tham gia, được sự đồng tình, nhất trí của thành viên và Chính quyền cơ sở nơi HTX đặt trụ sở. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Các HTX sản xuất quy mô lớn, sản xuất sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng xuất khẩu, liên kết với doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ cao, gắn với tăng trưởng xanh.

- Các hợp tác xã có đông thành viên là nữ hoặc phụ nữ tham gia quản lý; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo việc làm, hỗ trợ cho người yếu thế; do thanh niên khởi nghiệp.

- Các HTX đã tham gia thí điểm hợp tác xã kiểu mới đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**V. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

**1. Đối tượng áp dụng**

- Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất.

**2.** **Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất**

- Việc hỗ trợ lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách.

- Ngân sách nhà nước bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất để các ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng.

- Ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng.

- Khách hàng có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi theo đánh giá nội bộ của ngân hàng thương mại, sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất đúng mục đích, có trách nhiệm trong việc phối hợp với ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất.

- Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với nghĩa vụ trả nợ lãi tại các kỳ hạn trả nợ lãi mà thời điểm trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

- Ngân hàng thương mại dừng hỗ trợ lãi suất sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 hoặc khi hết nguồn kinh phí (hạn mức hỗ trợ lãi suất) được thông báo, tùy theo thời điểm nào đến trước.

**3.** **Điều kiện được hỗ trợ lãi suất**

- Khách hàng có đề nghị được hỗ trợ lãi suất, đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Khoản vay được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, được ký kết thỏa thuận cho vay và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác.

- Khoản vay không được tiếp tục hỗ trợ lãi suất.

**4.** **Thời hạn và mức lãi suất hỗ trợ**

- Thời hạn được hỗ trợ lãi suất tính từ ngày giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại và khách hàng, phù hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất được thông báo, nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2023.

- Mức lãi suất hỗ trợ đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất thực tế.

**5.** **Phương thức hỗ trợ lãi suất**

Đến thời điểm trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ lãi, ngân hàng thương mại thực hiện giảm cho khách hàng số lãi tiền vay phải trả bằng số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trong kỳ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**PHẦN 2**

**Chính sách của tỉnh Đồng Tháp về phát triển HTX**

**I. CHỦ TRƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN HTX**

**Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 – 2025 đề ra chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển HTX như sau:**

**1. Chỉ tiêu:** Phấn đấu thành lập mới 35 HTX hoạt động hiệu quả.

**2.** **Nhiệm vụ:** Thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, nòng cốt là HTX theo hướng đa ngành nghề, đa dịch vụ; tập trung củng cố, kiện toàn các HTX đủ mạnh để thực hiện tốt vai trò tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, cải tiến quy trình canh tác theo hướng giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, đa dạng hóa sản phẩm, tích cực tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HTX**

**1. Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh ban hành quy định nội dung, mức chi hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực; đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể để thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025.**

**1.1. Đối tượng áp dụng**

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (bao gồm: Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân, Liên hiệp hợp tác xã).

- Cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện Chương trình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025.

**1.2.** **Điều kiện hỗ trợ**

- Được tổ chức kinh tế tập thể cử tham gia đào tạo nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.

- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

- Người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể.

**1.3.** **Nội dung, mức chi**

**a. Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cho thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể.**

- Nội dung: Hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên.

- Mức chi hỗ trợ: Bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo. Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo theo chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**b. Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể.**

- Nội dung: Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể.

- Mức chi hỗ trợ: Mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

**3. Nghị quyết số 138/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND Tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

- Hướng dẫn số 07/HDLN-NHCSXH-SNN-STC ngày 30/5/2018 của Ngân hàng chính sách xã hội, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài chính hướng dẫn triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ cho vay phát triển một số ngành hàng nông nghiệp có tiềm năng.

- Hướng dẫn số 02/HD-SNN ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai được thí điểm áp dụng trong lĩnh vực trồng lúa, trồng cây ăn trái, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**3.1. Tóm tắt nội dung**

**Đối tượng áp dụng:** Doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, HTX, thành viên HTX, tổ hợp tác và trang trại có thuê đất trồng lúa, trồng cây ăn trái trong vùng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương, chủ vựa có liên kết tiêu thụ nông sản với người sản xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**3.2. Quy mô xét hỗ trợ**

- Đối với hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai các đối tượng được xét hỗ trợ phải có tổng diện tích đất canh tác *(bao gồm đất thuê)* tối thiểu từ 10 ha liền kề đối với lúa và từ 03 ha liền kề đối với cây ăn trái.

- Đối với hỗ trợ cho vay phát triển một số ngành hàng nông nghiệp có tiềm năng phải sản xuất với quy mô tối thiểu từ 05 ha đối với lúa, 1,5 ha đối với Xoài, 02 ha đối với cây có múi (quýt, cam, chanh, bưởi), 02 ha đối với nhãn, 01 ha đối với rau sạch chuyên canh, 01 ha đối với hoa kiểng, 05 tấn/năm đối với nấm rơm; chăn nuôi đạt quy mô tối thiểu từ 50 con đối với heo sinh sản, 100 con đối với heo thịt, 50 con đối với bò thịt, 10 con đối với bò sinh sản, 4.000 con đối với vịt nuôi thịt và 2.500 con đối với vịt lấy trứng.

**3.3. Nội dung hỗ trợ**

- Tổng diện tích hỗ trợ thí điểm mở rộng diện tích là 2.500 ha *(Cây lúa: 2.200 ha và Cây ăn trái: 300 ha)*.

- Thời gian hỗ trợ tối đa 05 năm. Thanh toán hỗ trợ theo từng năm. Cụ thể:

+ Đối với thuê đất trồng lúa: Hỗ trợ theo từng năm với mức hỗ trợ 5,0 triệu đồng/ha/năm cho tổ chức, cá nhân trực tiếp thuê đất trồng lúa.

+ Đối với thuê đất trồng cây ăn trái: Hỗ trợ theo từng năm với mức hỗ trợ 13,6 triệu đồng/ha/năm cho tổ chức, cá nhân trực tiếp thuê đất trồng cây ăn trái.

**4. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp**

Nghị định 98/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản ph m nông nghiệp.

Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 01/01/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản ph m nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 28/10/2019 về thực hiện Nghị quyết số 199/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Đến nay, chưa có tổ chức, cá nhân đăng ký dự án/ phương án hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản ph m nông nghiệp.

**Tóm tắt nội dung**

**a) Đối tượng áp dụng:**  Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, THT. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. HTX, thành viên HTX; liên hiệp HTX.

**b) Nội dung hỗ trợ:** Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân *(HTX, liên hiệp HTX):*

- Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng.

- Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX.

- Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê để thực hiện xây dựng cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

- Ưu tiên tham gia thực hiện các hợp đồng xuất khẩu nông sản hoặc chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

- Hỗ trợ tối đa 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên.

- Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ HTX, liên hiệp HTX về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo.

- Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan.

**5. Chính sách hỗ trợ cho hoạt động tái cơ cấu nông nghiệp**

Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định một số nội dung và mức chi cho hoạt động tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**5.1. Chi hỗ trợ HTX quảng bá nhãn hiệu sản phẩm *(xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp)* theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền, cơ quan thông tin đại chúng:**

**a) Đối tượng áp dụng**

HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

**b) Mức hỗ trợ**

Mức chi tối đa 15,0 triệu đồng/lần/đơn vị. Mỗi nhãn hiệu sản phẩm chỉ được hỗ trợ 01 lần. Trường hợp mức chi dưới 15,0 triệu đồng thì hỗ trợ theo thực tế.

**5.2. Hỗ trợ các đơn vị xây dựng các điểm giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bán hàng và kho trung chuyển hàng hóa ở ngoài Tỉnh**

Mức hỗ trợ: Mức chi hỗ trợ tối đa 30,0 triệu đồng/lần/điểm.

**5.3. Các định mức hỗ trợ nêu trên áp dụng cho các đơn vị chưa nhận được hỗ trợ thực hiện nội dung này từ nguồn kinh phí khác.**

**6. Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025.**

**6.1.** Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, HTX

***a) Đối tượng hỗ trợ***

- HTX đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả hoặc có nhu cầu  
phát triển, mở rộng.

- HTX được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức KTTT.

***b) Nội dung hỗ trợ***

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về  
KTTT, HTX.

- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện  
các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT,  
HTX cho phù hợp với các quy định hiện hành.

**6.2.** Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT

***a) Đối tượng hỗ trợ***

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ  
thuật, nghiệp vụ của các tổ chức KTTT.

- Công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại các sở,  
ngành và địa phương (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).

- Công chức, viên chức của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên  
minh HTX, thành viên các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các  
cấp trên địa bàn Tỉnh.

- Giảng viên về KTTT trong các trường đại học, cao đẳng, trung  
cấp nghề trên địa bàn Tỉnh, Trường Chính trị Tỉnh.

***b) Điều kiện hỗ trợ***

- Được tổ chức KTTT, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi  
dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu  
cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực  
và trình độ phù hợp với khóa học.

- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: ngoài việc đáp ứng các điều  
kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm  
việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường  
hợp không thực hiện cam kết.

***c) Nội dung hỗ trợ***

- Đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT: học phí  
theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi  
phí ăn, ở.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh hợp tác xã Tỉnh, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị -  
xã hội, giảng viên: cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và  
nước ngoài về HTX và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác  
quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại,  
tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.

+ Triển khai đào tạo trực tuyến về kinh tế tập thể; xây dựng, vận hành và  
duy trì thông tin điện tử về đào tạo, trực tuyến.

- Bồi dưỡng:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: chi phí  
đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của  
chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội  
trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức  
được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã Tỉnh, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị -  
xã hội, giảng viên: cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm:  
toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và  
sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi  
dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ có trình độ (tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại  
học) làm việc có thời hạn tại các HTX trên địa bàn Tỉnh.

**6.3.** Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

**a) Đối tượng hỗ trợ:** các tổ chức KTTT, HTX hoạt động trên  
tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

**b) Điều kiện hỗ trợ:** tổ chức KTTT, HTX có sản phẩm gắn  
với chuỗi giá trị, đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sản phẩm  
được chứng nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm tiềm năng OCOP.

**c) Nội dung hỗ trợ**

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước;  
kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc; xây dựng và phát triển thương hiệu;  
tạo lập, quản lý và phát triển các tài sản trí tuệ; xây dựng và áp dụng hệ thống  
quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất.

- Xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản  
phẩm); hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản  
phẩm cho các tổ chức KTTT tại các địa phương; trong việc kiểm soát  
chất lượng, truy xuất nguồn gốc; xây dựng và phát triển thương hiệu; tạo lập,  
quản lý và phát triển các tài sản trí tuệ; xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý  
tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất.

- Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức  
kinh tế tập thể.

**6.4.** Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

**a) Đối tượng hỗ trợ:** các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm,  
thuỷ sản (HTX nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh.

**b) Cơ chế đầu tư**

- Điều kiện hỗ trợ:

+ HTX căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ  
tầng xử lý sau thu hoạch, hệ thống bảo quản hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề  
nghị gửi Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh.

+ Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét, đề xuất đến Sở Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn tổng hợp chung.

+ Căn cứ vào tình hình số lượng thành viên, ưu tiên hỗ trợ các HTX  
có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị;  
HTX hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ  
chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh  
doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thuỷ lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng  
trọt, lâm nghiệp, thuỷ sản (bao gồm: cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn  
nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ  
thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội  
đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thuỷ sản bao gồm:  
Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu  
nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải  
chung đối với vùng nuôi trồng thuỷ sản.

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

+ Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện,  
HTX và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách trung  
ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của HTX, vốn từ các nguồn hợp pháp  
khác và tính chất của dự án/phương án, Uỷ ban nhân dân Tỉnh và Uỷ ban nhân  
dân cấp huyện xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn  
ngân sách tỉnh, huyện.

Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương  
quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án.

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX thông qua Uỷ ban  
nhân dân cấp huyện xây dựng, mua sắm, bàn giao cho HTX; trường hợp  
HTX có đủ năng lực, Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét giao cho hợp tác  
xã tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

**c) Cơ chế quản lý sau đầu tư**

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX. HTX tự  
trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được  
đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phần giá trị tài sản được hình  
thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho Uỷ ban nhân dân cấp  
huyện nơi HTX đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

Trên đây là tổng hợp chính sách đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, HTX./.

**LIÊN MINH HTX TỈNH**